

Bản án số: 174/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Sơn Khánh

2. Bà Néang Sâm Bô

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang:** Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 639/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 2819/TB-TA ngày 21/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Việt Q, sinh năm 1997 (có mặt); địa chỉ: Tổ F, khóm V, phường V, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089197011885

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991 (có mặt); địa chỉ: Ấp A, xã B tỉnh An Giang; Số CCCD: 089091001860.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Việt Q trình bày:

Bà Q và ông H có thời gian quen biết nhau do tự tìm hiểu sau đó được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới về chung sống năm 2015 và đăng ký kết hôn năm 2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng trong quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, ông H dùng bạo lực dùng tay đánh bà Q nhiều lần và còn hăm dọa dùng dao cắt cổ bà Q, đòi dùng điện chích bà Q nhiều lần trước

mặt con, bà Q rất sợ hãi và lo lắng cho sự an toàn của bản thân và con cái nên mang theo con về nhà mẹ ruột sinh sống và đôi bên đã ly thân từ năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại. Quá trình ông H đánh Quyền thì không có báo chính quyền địa phương nhưng gia đình chồng và láng giềng 02 bên đều chứng kiến và biết rõ, ngoài ra ông H cũng có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Hiện tại, không còn tình cảm bà Q kiên quyết ly hôn.

Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/12/2016 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 26/5/2019, bà Q đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thanh H trình bày: Thông nhất theo lời trình bày của bà Q về điều kiện và thời gian kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Bà Q yêu cầu ly hôn ông H không đồng ý ly hôn, ông H xác định không còn tình cảm với bà Q, thừa nhận quá trình chung sống có dùng bạo lực với bà Q nhưng ông H yêu cầu bà Q phải giao 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T cho ông H nuôi dưỡng và ông H sẽ giao cho bà Q nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng Y đôi bên sẽ không cấp dưỡng nuôi con thì ông H mới đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2016, đến cuối năm 2022 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay chưa về chung sống lại; mâu thuẫn giữa bà H và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/12/2016 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 26/5/2019, bà Q đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng T và giao Nguyễn Hoàng Y cho bà Q nuôi dưỡng và đôi bên không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 06 tháng 5 năm 2026 bà **Nguyễn Thị Việt Q** có đơn yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Thanh H** và yêu cầu giải quyết về nuôi con, ông **H** cư trú tại **xã B, tỉnh An Giang**. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà **Nguyễn Thị Việt Q** và ông **Nguyễn Thanh H** có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L** vào ngày 05/09/2016 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà **Q** và ông **H** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà **Q** yêu cầu ly hôn, ông **H** tuy không còn tình cảm với bà **Q** nhưng không đồng ý ly hôn. Xét từ năm 2022 bà **Q** và ông **H** đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, các bên đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đôi bên đều xác định không còn tình cảm bà **Q** kiên quyết ly hôn, ông **H** không đồng ý ly hôn với lý do muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên **Nguyễn Hoàng T**.

Xét thấy, hôn nhân cần được xây dựng trên nền tảng tình cảm và sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại tình cảm giữa bà **Q** và ông **H** đã không còn đã ly thân từ năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại điều đó cho thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Q** là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà **Q** và ông **H** có 02 con chung tên **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 17/12/2016 và **Nguyễn Hoàng Y**, sinh ngày 26/5/2019, bà **Q** đang nuôi dưỡng, bà **Q** yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con. Ông **H** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Hoàng T** nhưng bà **Q** không đồng ý.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung, phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bé **T** từ nhỏ đã sống chung với bà **Q** do bà **Q** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và hiện tại đang sinh sống cùng bà **Q**. Đồng thời, xét về tính chất công việc hiện tại của ông **H** là đang sinh sống bằng nghề chăn nuôi vịt chạy đồng, công việc không cố định phải di chuyển nhiều nơi không thể đảm bảo đủ thời gian để gần gũi, chăm sóc, yêu thương và nuôi dạy thật tốt cho cháu **T** và từ khi ly thân năm 2022 đến nay ông **H** không tới lui tiếp xúc, thăm nom, vun đắp tình cảm cha con với cháu **T** việc giao cháu **T** cho ông **H** nuôi dưỡng trong trường hợp này sẽ đột ngột làm thay đổi về tâm sinh lý, sức khỏe, môi trường sống, sinh hoạt, học tập của cháu

T. Vì thế, để tránh làm xáo trộn tâm sinh lý, sức khỏe, môi trường sống, sinh hoạt, học tập của cháu **T** cần tiếp tục giao cháu **T** cho bà **Q** nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên **Nguyễn Hoàng T** và **Nguyễn Hoàng Y**, ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Q** và ông **H** xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Việt Q** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Việt Q**. Bà **Nguyễn Thị Việt Q** được ly hôn với ông **Nguyễn Thanh H**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52/HT ngày 05/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** (nay là xã **B**, tỉnh **An Giang**) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Việt Q** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 17/12/2016 và **Nguyễn Hoàng Y**, sinh ngày 26/5/2019. Ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **H** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu **Nguyễn Hoàng T** và **Nguyễn Hoàng Y** được sống chung với bà **Q**, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà **Q**.

Ông **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà **Q** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông **H** lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định

việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Việt Q** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 307192 ngày 20-5-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà **Nguyễn Thị Việt Q** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 14-An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Ba Chúc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chau Sơn Khánh Néang Sâm Bô

Lưu Thị Hùng